

Xây dựng gia đình hạnh phúc để phát triển xã hội bền vững

Trần Thị Minh Thi *

Tóm tắt: Xây dựng đời sống cá nhân hạnh phúc, gia đình hạnh phúc, xã hội hạnh phúc là quan trọng trong thúc đẩy sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới. Việc xác định nội hàm của gia đình hạnh phúc, cách thức đánh giá, đo lường gia đình hạnh phúc là rất cần thiết, giúp các địa phương có cách hiểu thống nhất, và có thang đo cụ thể triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở phân tích một số phương pháp đánh giá đo lường về gia đình hạnh phúc trên thế giới kết hợp với rà soát, phân tích các kinh nghiệm, các mô hình hiện đang tiên phong triển khai tiêu chí hạnh phúc tại các địa phương ở Việt Nam và những đặc điểm văn hóa xã hội đặc thù của Việt Nam, bài viết phân tích nội hàm hạnh phúc gia đình và đề xuất các khuyến nghị chính sách¹.

Từ khóa: Gia đình; Gia đình hạnh phúc; Xây dựng gia đình hạnh phúc.

Phân loại ngành: Xã hội học.

Ngày nhận bài: 28/12/2023; ngày chỉnh sửa: 19/02/2024; ngày duyệt đăng: 11/3/2024.

1. Đặt vấn đề

Trong số nhiều nhóm mà cá nhân thuộc về, gia đình có lẽ có tầm quan trọng lớn nhất (Cousins, 1989; Lee và cộng sự, 2012). Dữ liệu Khảo sát Giá trị Thế giới (WVS; 2016) xác nhận rằng trong số sáu khía cạnh của cuộc sống - gia đình, bạn bè, thời gian giải trí, chính trị, công việc và tôn giáo - gia đình được đánh giá là quan trọng nhất trong hơn sáu mươi quốc gia được phân tích. Gia đình cũng là một ưu tiên quan trọng hàng đầu trong cuộc sống của người dân Việt Nam (Trần Thị Minh Thi, 2021).

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Bài viết là sản phẩm của đề tài: “Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về bình đẳng giới phục vụ phát triển bền vững”, mã số 02/22-ĐTĐL.XH-XNT, do PGS.TS. Trần Thị Minh Thi chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì, Bộ Khoa học và Công nghệ tài trợ.

Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc bảo vệ và xây dựng thiết chế gia đình. Văn kiện Đại hội XIII đặt ra nhiều mục tiêu cần quan tâm trong xây dựng gia đình, nhấn mạnh tầm quan trọng của xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Chỉ thị 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư xác định việc chăm lo, vun đắp, xây dựng, giữ gìn hạnh phúc gia đình là giá trị cao đẹp mà mỗi người Việt Nam luôn quan tâm thực hiện và hướng tới. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng để xây dựng xã hội hạnh phúc, là vấn đề hết sức hệ trọng của dân tộc ta. Vì thế, các chính sách về gia đình phải hướng đến mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh.

Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình đến 2030 xác định mục tiêu tổng quát là xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Trong đó, một trong những mục tiêu cụ thể là phấn đấu 100% các địa phương có mô hình về truyền thống, giáo dục, xây dựng gia đình hạnh phúc, và đề ra giải pháp nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ số về gia đình hạnh phúc làm cơ sở đánh giá, đề xuất, hoạch định chính sách.

Với những yêu cầu này, việc xác định nội hàm của gia đình hạnh phúc, cách thức đánh giá, đo lường gia đình hạnh phúc là rất cần thiết, giúp các địa phương có cách hiểu thống nhất, và có thang đo cụ thể triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trên cơ sở phân tích một số tiêu chí đánh giá về gia đình hạnh phúc ở một số quốc gia trên thế giới kết hợp với rà soát, phân tích một số kinh nghiệm, mô hình hiện đang tiên phong triển khai tiêu chí đánh giá hạnh phúc tại địa phương và những đặc điểm văn hóa xã hội đặc thù của Việt Nam, bài viết này phân tích nội hàm hạnh phúc gia đình và đề xuất các khuyến nghị chính sách trong giai đoạn hiện nay.

2. Cơ sở lý luận và thực tiễn xác định nội hàm và đánh giá gia đình hạnh phúc

Hạnh phúc là mục tiêu cao nhất mà cá nhân, gia đình, quốc gia mong muốn đạt được. Cách thức mà mọi người tìm kiếm hạnh phúc khác nhau giữa các nền văn hóa. Trong bối cảnh văn hóa Âu-Mỹ, hạnh phúc được định nghĩa là một trạng thái cảm xúc tích cực được nhìn nhận thông qua việc đạt được các mục tiêu cá nhân. Con người ở các nền văn hóa này thường được khuyến khích khẳng định cái tôi của mình và chủ động tìm kiếm hạnh phúc cá nhân. Ngược lại, trong bối cảnh văn hóa châu Á, các cá nhân được khuyến khích tìm các mô hình hạnh phúc được thừa nhận bởi nhiều người.

Trong bối cảnh văn hóa phụ thuộc lẫn nhau hơn, hạnh phúc có xu hướng được định nghĩa theo sự kết nối giữa các cá nhân hoặc sự cân bằng giữa bản thân và những người khác. Ở các quốc gia chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Nho giáo như Việt Nam, cá nhân cảm thấy hạnh phúc khi có sự thành đạt và có mối quan hệ tốt với mọi người và điều này quan trọng hơn cả tri thức và tiền bạc. Đồng thời, Việt Nam cho thấy tính tập thể trội hơn tính cá nhân, và gia đình được đề cao (Trần Thị Minh Thi, 2021).

Khi bàn về cảm nhận hạnh phúc, nhà kinh tế học hàng đầu người Anh là Richard Layard (2008) cho thấy, hạnh phúc tăng lên khi thu nhập cao lên là rất rõ ở những người nghèo, nhưng khi toàn xã hội trở nên giàu có hơn, họ đã không thấy hạnh phúc hơn. Người nghèo vẫn có thể có hạnh phúc và người giàu chưa hẳn đã có hạnh phúc. Một quốc gia giàu có chưa hẳn là một quốc gia có nhiều người hạnh phúc hơn một quốc gia kém giàu có hơn. Vì người nghèo có ít nhu cầu hơn nên họ có thể dễ thỏa mãn hơn và do đó cũng dễ cảm thấy hạnh phúc hơn khi đạt được các nhu cầu cơ bản và tất yếu. Người nghèo thì thoát nghèo là hạnh phúc, trong khi người giàu lại lo chất lượng cuộc sống bị suy giảm (Lyubomirsky và cộng sự, 2005). Khi đạt đến điểm nhất định về thu nhập, nhiều tiền hơn không làm tăng hạnh phúc mà các yếu tố khác, như sức khỏe, các mối quan hệ và lý tưởng sống trở thành ưu tiên hơn so với thu nhập.

Hạnh phúc có thể được đo lường ở hai cấp độ, cá nhân và tập thể. Ở cấp độ cá nhân, các nghiên cứu khám phá những đặc điểm và những yếu tố làm nên hạnh phúc của cá nhân, chẳng hạn như cảm xúc tích cực, lòng biết ơn, và khả năng lan tỏa hạnh phúc đến người khác và các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc ấy. Hạnh phúc cấp độ cá nhân được đo lường qua đánh giá chủ quan về sự hài lòng cuộc sống, mức độ thịnh vượng, lòng biết ơn, và khả năng lan tỏa hạnh phúc đến người khác (Shimai và cộng sự, 2006).

Hạnh phúc tập thể/quốc gia, giả sử rằng độ tin cậy và giá trị của các thang đo hạnh phúc cá nhân phù hợp với các nền văn hóa, được đo bằng mức độ trung bình quốc gia về hài lòng cuộc sống cá nhân. Nhưng tổng thể thực sự khác với tổng số các bộ phận của nó, nên hạnh phúc của tập thể không thể được đo lường chính xác bằng tổng hạnh phúc chủ quan theo cách tự báo cáo của từng cá nhân. Giá trị trung bình quốc gia của hạnh phúc chủ quan cũng được liên kết với các chỉ số xã hội như tổng sản phẩm quốc nội, mức độ tham nhũng, v.v. Nhiều nghiên cứu cũng chứng minh rằng hạnh phúc xã hội, được đo bằng mức độ trung bình quốc gia về hài lòng cuộc sống cá nhân, tương quan với sự phát triển của chủ nghĩa cá nhân ở cấp quốc gia (Hofstede, 2001; Krys và cộng sự, 2019).

Hiện nay, nhiều nghiên cứu đã chuyển trọng tâm từ hạnh phúc cá nhân đến hạnh phúc gia đình. Một số nghiên cứu xác định các gia đình vững mạnh là hạnh phúc (Stinnett và DeFrain, 1985). Hạnh phúc gia đình cũng có thể bao gồm hạnh phúc về tình cảm, xã hội và kinh tế của trẻ em, cha mẹ và gia đình (Sing và cộng sự, 2001); là sự khỏe mạnh về thể chất và tinh thần của các thành viên trong gia đình cũng như chất lượng của mối quan hệ giữa cha mẹ và chất lượng của quan hệ cha mẹ con cái (Diener, 2000); là sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng của cả gia đình cũng như các thành viên của nó (Krys và cộng sự, 2021) hay là sự đảm bảo các chức năng và hoạt động vì lợi ích của tập thể và cá nhân (Pryor, 2007); là mức độ đáp ứng nhu cầu của một người trong môi trường gia đình (Bonomi và cộng sự, 2005), v.v.

Một số nghiên cứu sử dụng thang đo hạnh phúc gia đình bắt nguồn từ hạnh phúc cá nhân (Hitokoto và Uchida, 2015), hoặc tập hợp các cá nhân để đánh giá chất lượng cuộc sống gia đình (Brown và Brown, 2014), nổi bật là thang đo The Family QOL Survey (đo hạnh phúc trên 9 lĩnh vực và 6 chiều cạnh liên quan đến đời sống gia đình) và The Beach Center Family QOL Scale, bao gồm 25 mục tạo thành 5 thang đo phụ: tương tác gia đình, sức khỏe tinh thần, sức khỏe thể chất/vật chất, nuôi dạy con cái và hỗ trợ liên quan đến khuyết tật (Brown và cộng sự, 2014). Các nghiên cứu cũng tìm hiểu các yếu tố liên quan đến gia đình như vị trí địa lý, việc làm, hoàn cảnh gia đình, điều kiện sống ảnh hưởng đến hạnh phúc cá nhân (Stasova và Vilka, 2018; Napa và cộng sự, 2020).

Một số nghiên cứu ở châu Á cho thấy, gia đình hạnh phúc có đặc điểm như sống cùng nhau, gắn kết chặt chẽ, chăm sóc cho nhau, và an ninh tài chính (Chiang và cộng sự, 2018) hay có sự hòa thuận trong gia đình, thái độ và hành vi quan tâm và hỗ trợ, cảm giác an toàn, sự gắn gũi và mãn nguyện (Lam và cộng sự, 2012; Napa và cộng sự, 2020).

Đo lường hạnh phúc gia đình không dễ dàng vì gia đình là một tập hợp các cá nhân. Các gia đình tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau. Hạnh phúc cá nhân bao hàm trong hạnh phúc gia đình và hai yếu tố này phụ thuộc lẫn nhau và thuật ngữ hạnh phúc gia đình vừa đề cập đến chất lượng cuộc sống của một đơn vị gia đình cụ thể, vừa hàm ý đến sự thịnh vượng của “gia đình” trong xã hội như một tổng thể.

Do có nhiều cách tiếp cận khác nhau để xác định gia đình hạnh phúc nên không có sự đồng thuận vững chắc về cách thức “lý tưởng” để đo lường nó (Behnke và MacDermid, 2004). Dù ở trường hợp nào, hạnh phúc gia đình là một khái niệm nhiều hơn tổng hạnh phúc của cá nhân, không đơn thuần là phép cộng của hạnh phúc của từng thành viên (Bonomi và cộng sự, 2005;

Krys và cộng sự, 2021). Với cách hiểu như vậy, đo lường hạnh phúc gia đình có thể có hai cách.

Một là đánh giá hạnh phúc gia đình trên tổng số hạnh phúc của các thành viên trong gia đình. Hạnh phúc gia đình có thể là các lĩnh vực cụ thể liên quan cấp độ gia đình (ví dụ: khả năng tự chủ của gia đình, khả năng phục hồi của gia đình, các vấn đề hôn nhân hoặc mối quan hệ công việc và cuộc sống) (Andersz và cộng sự, 2018). Cách làm này thích hợp để quan sát cá nhân, các mối quan hệ giữa cá nhân và toàn bộ gia đình (Linacre, 2007).

Ở cấp độ tập thể, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng về đời sống gia đình hoặc coi gia đình như một tổng thể để đánh giá mức độ hạnh phúc. Việc theo đuổi hạnh phúc gia đình có thể lý tưởng hơn và quan trọng hơn theo đuổi hạnh phúc cá nhân (Krys và cộng sự, 2019; 2021). Cách đo lường thứ hai nhìn nhận gia đình như một đơn vị tổng thể - ví dụ: cách giải quyết xung đột, trái ngược với các kỹ năng giao tiếp tổng hợp của các thành viên cá nhân của nó.

3. Tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc đối với Việt Nam

Hiện nay, ở Việt Nam, có một số địa phương đã thực hiện các thí điểm tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc, như tỉnh Yên Bái và thành phố Hồ Chí Minh. Các tiêu chí thử nghiệm bao gồm điều kiện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe, văn hóa tinh thần, quan hệ gia đình, ứng xử. Các phương pháp đánh giá gia đình hạnh phúc hiện nay vẫn còn thử nghiệm, nhưng được thực hiện chủ yếu thông qua sự tự đánh giá của gia đình, đánh giá và nhận xét của tập thể cộng đồng dân cư nơi cư trú (như cấp ủy, tổ dân phố, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tại khu dân cư).

Bài viết này khuyến nghị những tiêu chí cần thiết nên có trong đánh giá gia đình hạnh phúc theo bốn lĩnh vực chính gồm các chiều cạnh liên quan tới đời sống gia đình.

3.1. Tiêu chí liên quan đến chất lượng các mối quan hệ gia đình

Ở Việt Nam, gia đình hạnh phúc được xác định bởi nhiều yếu tố khác nhau nhưng quan trọng nhất là yếu tố về chất lượng mối quan hệ của các thành viên gia đình, bao gồm sự yêu thương, gắn kết, chia sẻ, hòa thuận, chăm sóc giữa các thành viên, giữa các thế hệ trong gia đình cũng như sự đáp ứng các nhu cầu vật chất và điều kiện sống (Trần Thị Minh Thi, 2021; Trần Tuyết Ánh và Nguyễn Hoài Sơn, 2021). Các quan hệ trong gia đình bao gồm quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ-con cái, quan hệ giữa các anh chị em, quan hệ với người cao tuổi và con cháu. Sự hài hòa, gắn kết trong các mối quan hệ gia đình là điều kiện quan trọng đảm bảo gia đình hạnh phúc.

Một số tiêu chí liên quan đến chất lượng các mối quan hệ trong gia đình nên bao gồm:

1. Gia đình không có thành viên vi phạm pháp luật, chấp hành tốt chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.
2. Không vi phạm quy chế, hương ước, quy ước, không có bạo lực gia đình.
3. Thành viên gia đình yêu thương, thường xuyên giao tiếp, chia sẻ, lắng nghe, khoan dung, trách nhiệm, tin cậy lẫn nhau.
4. Vợ chồng hòa thuận, chung thủy, nghĩa tình, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau, bình đẳng.
5. Gia đình nền nếp, gắn bó chặt chẽ, có khả năng cùng nhau vượt qua rủi ro, khủng hoảng, cùng chăm sóc và giáo dục trẻ em, chăm sóc người cao tuổi.
6. Gia đình thường xuyên giao tiếp, tổ chức hoạt động văn hóa, tinh thần và thời gian tham gia cùng nhau, thúc đẩy sự tự chủ và yêu thương, giúp đỡ thành viên khi cần.

3.2. Tiêu chí liên quan đến sức khỏe

Sức khỏe gia đình là trạng thái tương tác năng động tích cực giữa các thành viên trong gia đình, giúp mỗi thành viên trong gia đình có được trạng thái khỏe mạnh tối ưu về thể chất, tinh thần, xã hội và tinh thần cho dù có bệnh tật hay không. Sức khỏe gia đình không chỉ là bao gồm sức khỏe của các cá nhân, những người tạo nên gia đình, mà nó còn là tương tác về mặt sức khỏe (thể chất và tâm lý) giữa các thành viên trong gia đình. Khái niệm sức khỏe gia đình là rất quan trọng để đạt được các mục tiêu nâng cao sức khỏe tổng thể. Hơn nữa, nâng cao sức khỏe gia đình là nền tảng của các kỹ thuật nâng cao sức khỏe như xây dựng các cơ sở hỗ trợ, đào tạo các cá nhân có kỹ năng cá nhân và tăng cường hành động cộng đồng. Có đủ sức khỏe để sinh hoạt, lao động, học tập hàng ngày là một chỉ báo quan trọng mang lại sự hài lòng về cuộc sống cá nhân, gia đình.

Các tiêu chí hạnh phúc về sức khỏe của gia đình nên bao gồm:

1. Các thành viên gia đình có sức khỏe thể chất, được tiêm phòng đầy đủ, không suy dinh dưỡng.
2. Thành viên gia đình có lối sống lành mạnh, tích cực, không căng thẳng, không nghiện ngập.
3. Các thành viên trưởng thành đều có ý định kết hôn, lập gia đình, sinh con.

4. Gia đình không có các vấn đề về lạm dụng trẻ em/người cao tuổi, trẻ em/NCT bị bỏ rơi hoặc lang thang, lao động trẻ em, mang thai ở tuổi vị thành niên, vị thành niên phạm pháp, trẻ em hay NCT bị ngược đãi.
5. Các thành viên gia đình tiếp cận thuận lợi với các cơ sở y tế và được khám chữa bệnh kịp thời, hài lòng với dịch vụ và chất lượng khám chữa bệnh.
6. Các thành viên gia đình được quan tâm, chăm sóc đầy đủ về vật chất, tinh thần.
7. Gia đình có khả năng chi trả cho chăm sóc y tế, sức khỏe.
8. Gia đình hài lòng với dịch vụ, chất lượng chăm sóc sức khỏe.

3.3. Tiêu chí liên quan đến các lĩnh vực nguồn lực và chức năng hoạt động của gia đình

Các thành viên gia đình có điều kiện kinh tế, vật chất, nơi ở đạt chuẩn là tiêu chí quan trọng. Sự hài lòng về nhà ở là một thái độ mang tính tổng hợp (Satsangi và Kearns, 1992), thường dùng để đánh giá những nhìn nhận và cảm giác của cá nhân về bản thân ngôi nhà và môi trường xung quanh và thường được dùng như một chỉ báo chính trong đánh giá của cá nhân nói chung về “chất lượng cuộc sống” (Ogu, 2002).

Việc làm là vấn đề thiết yếu của phần đông dân số vì nó không chỉ đem lại thu nhập mà còn đem lại nhiều lợi ích to lớn khác như giảm nghèo, giúp cuộc sống cân bằng, góp phần tạo dựng những chuyển đổi tích cực trong xã hội. Chính vì vậy, tiêu chí việc làm là quan trọng trong công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như đánh giá mức độ hạnh phúc của gia đình, xã hội.

Thu nhập ổn định, bền vững, được cải thiện, là một chỉ báo quan trọng của gia đình hạnh phúc. Sự phân bố dân số về sự hài lòng trong một quốc gia phụ thuộc vào mức độ và phân bố của thu nhập.

Các tiêu chí hạnh phúc về nguồn lực và chức năng hoạt động của gia đình nên bao gồm:

1. Gia đình có nơi ở, nhà ở đạt chuẩn, sạch sẽ, gọn gàng.
2. Thành viên trong độ tuổi lao động của gia đình có việc làm ổn định, không thất nghiệp lâu.
3. Các thành viên trong gia đình có nguồn thu nhập ổn định, hài lòng về mức độ chi tiêu.
4. Gia đình có đủ thực phẩm an toàn cho sinh hoạt hàng ngày.

5. Người cao tuổi có lương hưu/trợ cấp xã hội/bảo hiểm nhân thọ/trợ cấp từ con cái.
6. Gia đình đảm bảo nguồn lực kinh tế xã hội, kỹ năng để chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em.
7. Thành viên gia đình được tạo điều kiện học tập, phát triển, đạt chuẩn phổ cập phổ thông trung học cơ sở trở lên.
8. Gia đình có các phương tiện thông tin kết nối internet thuận lợi.

3.4. Tiêu chí liên quan đến bối cảnh xã hội, chính trị và văn hóa của các gia đình

Môi trường sống, trong đó quan trọng là cơ sở hạ tầng, có vai trò quan trọng trong đảm bảo hạnh phúc. Khái niệm cơ sở hạ tầng có hai loại lớn: cơ sở hạ tầng xã hội và cơ sở hạ tầng kinh tế hoặc sản xuất. Cơ sở hạ tầng xã hội bao gồm các lĩnh vực dịch vụ xã hội như y tế và giáo dục, văn hóa, du lịch, v.v., trong khi hạ tầng kinh tế bao gồm hệ thống giao thông và vận tải, viễn thông, lưới điện, hệ thống cấp nước, cầu, đường, v.v. Nhà xã hội học người Mỹ Eric Klinenberg (2018) định nghĩa “cơ sở hạ tầng xã hội” là những không gian quyết định hình thức và kết quả của các mối quan hệ xã hội. Các khu dân cư là đơn vị không gian công cộng cơ bản của các mối quan hệ xã hội và tạo tiền đề cho các cuộc gặp gỡ, trao đổi và xã hội hóa. Các cơ sở lân cận như thư viện, nhà trẻ, sân chơi, công viên, cơ sở tập thể dục và hồ bơi cho phép hình thành các mối quan hệ xã hội lành mạnh. Các mối quan hệ xã hội được xây dựng với gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định hạnh phúc cá nhân, giúp tăng cường kết nối cảm xúc và ổn định tâm lý, từ đó nâng cao khả năng hạnh phúc. Ngoài không gian vật lý, các không gian ảo như Facebook, Twitter và các nền tảng mạng xã hội khác thúc đẩy các mối quan hệ xã hội có ý nghĩa cũng thuộc cơ sở hạ tầng xã hội.

Cơ sở hạ tầng xã hội hoạt động tốt là chất kết dính xã hội đằng sau các hoạt động văn hóa và quan hệ xã hội lành mạnh. Trong một nghiên cứu về mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng xã hội và hạnh phúc cá nhân, Lee, Y.B. và Jung, C.M. (2013) cho thấy hạnh phúc cá nhân được cải thiện khi cơ sở hạ tầng xã hội (đường xá, công viên, công trình cấp nước, cơ sở văn hóa) được mở rộng. Họ phát hiện ra rằng những cư dân sống ở những khu dân cư phát triển hơn sẽ hạnh phúc hơn.

Chính quyền có vai trò quan trọng trong đảm bảo những tiêu chí hạnh phúc về cộng đồng. Chính phủ xây dựng thể chế và chính sách theo hướng những gì

chính phủ làm ảnh hưởng đến hạnh phúc và ngược lại hạnh phúc của công dân ảnh hưởng đến loại chính sách mà chính phủ xây dựng.

Những tiêu chí liên quan đến mối quan hệ của gia đình với cộng đồng, bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội có thể bao gồm:

1. Gia đình hài lòng với cơ sở hạ tầng kinh tế tại nơi cư trú (hệ thống giao thông và vận tải, viễn thông, lưới điện, hệ thống cấp nước, cầu, đường, viễn thông).
2. Gia đình hài lòng với cơ sở hạ tầng xã hội tại nơi cư trú (cơ sở y tế, trường học, nhà trẻ, thư viện, hiệu sách, sân chơi, đền chùa, chợ, trung tâm thương mại, công viên, cơ sở thể dục thể thao, các không gian công cộng, có kết nối và hài lòng với tiện lợi và hỗ trợ của internet, viễn thông).
3. Gia đình hài lòng với khí hậu, thời tiết, xử lý rác thải; môi trường nước; xử lý nước thải; môi trường không khí; xử lý khí thải; việc sử dụng đất, khai thác tài nguyên khoáng sản; khai thác tài nguyên rừng, môi trường cây xanh và hệ sinh vật tại nơi cư trú.
4. Gia đình nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ từ họ hàng, bạn bè, hàng xóm khi cần.
5. Gia đình tham gia vào các hoạt động của cộng đồng, các hoạt động từ thiện, các hoạt động do chính quyền địa phương tổ chức.
6. Thành viên gia đình được hưởng thụ văn hóa, văn nghệ, thông tin truyền thông, hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng.
7. Thành viên gia đình có bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, sống an toàn và chủ động trước thiên tai, dịch bệnh.
8. Thành viên gia đình hài lòng về hoạt động của cơ quan công quyền, hành chính công ở địa phương.

4. Khuyến nghị chính sách về cách thức đánh giá gia đình hạnh phúc của Việt Nam

Về quan điểm đánh giá gia đình hạnh phúc: i) Cần có sự rà soát, lồng ghép và thống nhất với các bộ tiêu chí liên quan đến gia đình hiện đang triển khai như Bộ tiêu chí gia đình văn hóa và Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình để dần tiến tới thống nhất sử dụng một bộ tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc, cũng như các mô hình thử nghiệm hiện có tại các địa phương; ii) Danh hiệu gia đình hạnh phúc nên là tiêu chí độc lập, tiến tới dần thay thế danh hiệu gia

đình văn hóa, đã đạt được những thành tựu lớn trong các năm qua nhằm thể hiện tiến bộ xã hội, hướng tới hạnh phúc và nên được đánh giá, bình xét, tôn vinh vào dịp ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3 hoặc Ngày Gia đình Việt Nam 28/6 hằng năm; iii) Việc triển khai tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc cần đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, sát thực tế; tránh sự triển khai mang tính hình thức, trùng lặp; iv) Danh hiệu gia đình hạnh phúc là để tôn vinh các gia đình, các cộng đồng, không nên tính vào thành tích thi đua của tập thể mà là một nguồn thông tin giúp điều chỉnh, xây dựng các chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội phù hợp cho địa phương; và v) Việc xây dựng nội dung tiêu chí, phương pháp, cách thức thực hiện cần có sự thận trọng, lấy ý kiến góp ý rộng rãi, có triển khai thí điểm theo các vùng văn hóa trên cả nước; có xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn thí điểm để đảm bảo thống nhất cách hiểu về nội hàm tiêu chí và cách thức thực hiện.

Khuyến nghị về các bước đánh giá “Gia đình hạnh phúc”:

Bước 1: Hộ gia đình tự đánh giá mức độ hạnh phúc theo Bộ tiêu chí hàng năm.

Bước 2. Trường thôn/bản/tổ dân phố tổng hợp danh sách hộ gia đình đủ điều kiện được tôn vinh gia đình hạnh phúc, rà soát những gia đình vi phạm để đưa khỏi danh sách.

Bước 3: Trường thôn/bản, tổ dân phố tổ chức họp đánh giá, bình xét tại khu dân cư.

Bước 4: Công dân danh hiệu “Gia đình hạnh phúc” theo từng cấp.

Bước 5: Tổ chức tôn vinh, khen thưởng các gia đình hạnh phúc vào dịp Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3 hoặc Ngày Gia đình Việt Nam, 28/6.

5. Thảo luận

Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững thuộc Chương trình nghị sự phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc cho thấy, thứ hạng của Việt Nam tăng lên trong 4 năm 2017-2020 và từ 2021-2023 kết quả điểm số tăng nhưng thứ hạng có xu hướng chững lại, hiện xếp thứ 55/166 quốc gia. Năm 2023, SDG của Việt Nam chỉ đứng sau Thái Lan trong khối ASEAN (xếp thứ 43), và so với một số quốc gia châu Á thì đứng sau Nhật bản (xếp thứ 21), Hàn Quốc (xếp thứ 31) (UN, 2023). Trong 17 mục tiêu phát triển bền vững, 169 chỉ tiêu, không nhắc tới hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc gia đình hay bền vững về văn hóa, về con người trong đảm bảo phát triển bền vững.

Bài viết này khuyến nghị, hoạt động liên quan đến sinh đẻ và chăm sóc không lương vốn đang do phụ nữ đảm nhiệm chính¹, cho thấy những chênh lệch khác biệt sinh học giữa nam và nữ, cần là một chỉ báo đánh giá kết quả mức độ phát triển bền vững của xã hội. Với mức sinh đang khá biến thiên giữa các tỉnh hiện nay theo hướng giảm sinh cùng với hiện đại hóa, thì để có sự bền vững của xã hội trước hết phải bền vững về quy mô dân số, thì cần bổ sung chỉ báo về hoạt động sinh đẻ và chăm sóc không lương trong tính toán bình đẳng giới và PTBV.

Đã đến lúc cần xây dựng chính sách phát triển xã hội theo hướng coi gia đình hạnh phúc, con người hạnh phúc là mục tiêu ngang bằng với tăng trưởng kinh tế để tăng trưởng kinh tế đi cùng với phát triển dân số bền vững, tránh thách thức nan giải mà nhiều quốc gia hiện nay đang đối mặt, là khi thu nhập cao hơn, đô thị hóa mạnh hơn, thì phụ nữ ít sinh con hơn. Quan điểm xã hội về phụ nữ vẫn kỳ vọng kép cân bằng áp lực công việc và hạnh phúc cá nhân, gia đình. Điều này dẫn đến những áp lực rất lớn khi phụ nữ muốn đạt được cả thành công trong công việc và hạnh phúc gia đình vì các tiêu chuẩn đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, v.v. của phụ nữ giống như nam giới, trong khi phụ nữ đảm nhiệm chức năng sinh đẻ, đang gánh trách nhiệm chính trong hoạt động nội trợ và chăm sóc, và phải vượt qua định kiến giới về vai trò giới của phụ nữ.

Những thay đổi về quan điểm và vị thế phụ nữ đang âm thầm diễn ra theo hướng phụ nữ tự chủ hơn, cá nhân hóa hơn, với những con số cảnh báo cần quan tâm như: đa số phụ nữ đứng đơn ly hôn (70%), ngay cả khi đa số có cuộc sống kinh tế và tái hôn khó khăn sau ly hôn, với 60% cuộc ly hôn có con ở với mẹ và mức độ cấp dưỡng thấp/không có của người chồng, người cha dành cho vợ, con; hay tỷ lệ sinh rất thấp của phụ nữ khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long; xu hướng kết hôn muộn của một bộ phận phụ nữ trẻ khu vực thành thị, tỷ lệ phụ nữ thích sống độc thân và không lập gia đình cao hơn nam giới. Tỷ lệ phụ nữ tham gia thị trường lao động ở Việt Nam là khá cao trong nhiều năm qua (trên 70%), so với tỷ lệ trung bình gần 50% của thế giới (Trần Thị Minh Thi, 2023) Ngoài ra, tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động ở hai thành phố có nền kinh tế phát triển thuộc nhóm mạnh nhất hiện nay là Hồ Chí Minh và Hà Nội là thấp nhất trong nhiều năm. Xu hướng này dường như cho thấy một hiện tượng xã hội khá mới mẻ. Theo đó, một bộ phận phụ nữ Việt Nam thuộc nhóm có kinh

¹ Kết quả Điều tra Quốc gia về sử dụng thời gian năm 2022 của Việt Nam do Ngân hàng Thế giới thực hiện trên tổng số 6.001 người cho thấy, phụ nữ đang dành thời gian gấp 2,87 lần so với nam giới trong công việc chăm sóc gia đình không được trả lương, một khoảng cách lớn so với Chỉ tiêu đề ra vào năm 2025 là 1,7 lần.

tế ổn định hoặc khá giả đang rút dần khỏi thị trường lao động, quay trở lại gia đình đảm nhiệm vai trò giới truyền thống (nội trợ, chăm sóc con cái), đặt ra những vấn đề cần quan tâm về thay đổi giá trị theo hướng cá nhân hóa rõ nét cũng như những dịch vụ xã hội đi kèm với hôn nhân, gia đình.

Những thay đổi này cho thấy phụ nữ đang cá nhân hóa hơn, tự do và dân chủ hơn trong lựa chọn cuộc sống. Những con số này mang tính cảnh báo, cho thấy, chúng ta thực sự cần có một chính sách, truyền thông định hướng tốt hơn dư luận xã hội về 1) giá trị của hôn nhân, gia đình và vị thế phụ nữ theo hướng có gia đình và có con là hạnh phúc, là một biểu hiện của trách nhiệm xã hội, chứ không phải là lực cản cá nhân; 2) thay đổi kỳ vọng xã hội về tiêu chuẩn kép với phụ nữ theo hướng công việc chăm sóc và sinh đẻ phải được coi là một đóng góp quan trọng vào kinh tế, vào phát triển bền vững, 3) nam giới và phụ nữ phải có cơ hội bình đẳng trên thị trường lao động, và cả hai phải chia sẻ trách nhiệm đối với gia đình và con cái, cũng như có những đánh giá khách quan, công bằng hơn nữa với những đóng góp của phụ nữ cho gia đình và xã hội.

Hạnh phúc lý tưởng vừa là “tự tạo”, tức là thứ hoàn toàn do chính mình tạo ra mà không dựa vào người khác, vừa do cộng đồng, xã hội mang lại. Việt Nam, cũng như các quốc gia đang phát triển, quan tâm đến những đánh giá và thành tựu về vật chất trước tiên trong đảm bảo hạnh phúc. Những tiêu chí về thu nhập, tiền tiết kiệm, nhà cửa, rộng hơn là cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội liên quan đến của cải vật chất là những điều kiện cơ bản đầu tiên để đạt được hạnh phúc. Khi xã hội đạt đến một mức độ phong phú về vật chất nhất định, những yêu cầu cao hơn về hạnh phúc tinh thần, về lý tưởng sẽ xuất hiện.

Rất cần thiết quan tâm xây dựng một mô hình bình đẳng giới lý tưởng, khuôn mẫu lý tưởng của người phụ nữ Việt Nam hiện đại, trên cơ sở các tiêu chí đã có, các cam kết quốc tế, tính đến đặc điểm sinh học khác biệt của nam và nữ, đặc thù kinh tế, xã hội, văn hóa Việt Nam để có bình đẳng giới thực chất, bình đẳng không chỉ trong những khuôn khổ, quy định của pháp luật mà còn là bảo đảm bình đẳng trên thực tế thông qua các kết quả đạt được.

Bình đẳng giới bao gồm một diện rất rộng, trong mọi lĩnh vực, mọi không gian công cộng, gia đình, nơi làm việc. Tiêu chí xây dựng cá nhân hạnh phúc, gia đình hạnh phúc, xã hội hạnh phúc nên đồng hành trong quá trình thúc đẩy tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới. Trong bối cảnh gia đình đang có những biến đổi nhanh chóng và khá phức tạp hiện nay, những nhu cầu về vật chất, tinh thần đồng thời cùng tồn tại ở mức độ khác nhau giữa các nhóm xã hội. Ở phương

diện nào thì tiêu chí về gia đình hạnh phúc cũng quan trọng để làm cơ sở cho triển khai các phong trào, cuộc vận động hướng tới mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ hạnh phúc, văn minh, góp phần đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

Tài liệu trích dẫn

- Australian Institute of Family Studies. 2007. *The longitudinal study of Australian children: wave 1 content sources and supporting rationale* (Draft, forthcoming on the LSAC website: <http://www.aifs.gov.au/growingup>).
- Beach Center. 2015. *Beach Center Family Quality of Life Scale: Psychometric characteristics and scoring key*. Lawrence, KS: University of Kansas. Retrieved from [http://www.beachcenter.org/sites/default/files/inline-files/Family Quality of Life Psychometric Characteristics and Scoring Key.pdf](http://www.beachcenter.org/sites/default/files/inline-files/Family%20Quality%20of%20Life%20Psychometric%20Characteristics%20and%20Scoring%20Key.pdf).
- Bonomi, A.E., Boudreau, D.M., Fishman, P.A., Meenan, R.T., Revicki, D.A. 2005. *Is a family equal to the sum of its parts? Estimating family-level well-being for cost-effectiveness analysis*. *Quality of Life Research*, 14, pp. 1127-1133.
- Brown, R. I., & Brown, I. 2014. *Family Quality of Life*. In A. Michalos (Ed.), *Encyclopedia of Quality of Life and Well-Being Research*, pp. 2194-2201. Dordrecht, Netherlands: Springer.
- Chiang, H. H., & Lee, T. S. H. 2018. *Family relations, sense of coherence, happiness, and perceived health in retired Taiwanese: Analysis of a conceptual model*. *Geriatrics & Gerontology International*, 18(1), pp. 154-160.
- Diener, E. 2000. *Subjective well-being: The science of happiness and a proposal for a national index*. *American Psychologist*, 55, pp. 34-43. <https://doi.org/10.1037/0003-066X.55.1.34>.
- Do Long, Phan Thi Mai Huong. 2002. *Collectivism, Individualism and "the self" of the Vietnamese Today*. Edited by. Hanoi: Chinh tri Quoc gia Publisher. 316 pages.
- Fletcher, M. 2007. *Issues in developing a conceptual framework for 'family wellbeing'*. *Families Australia. Presentation to the National Family Wellbeing Symposium, Canberra*. 20-21 June 2007. Online at <http://www.familiesaustralia.org.au/publications/pubs/conferences/nfws2007/nfwsfletcher.pdf>.
- Hitokoto, H., & Uchida, Y. 2015. "Interdependent happiness: Theoretical importance and measurement validity". *Journal of Happiness Studies*, 16, pp. 211-239.
- Hofstede, G. 2001. *Culture's consequences: Comparing values, behaviors, institutions, and organizations across nations, second edition*. Thousand Oaks: Sage Publications, Inc.

- Klinenberg, Eric. 2018. *Palaces for the People: How Social Infrastructure Can Help Fight Inequality, Polarization, and the Decline of Civic Life Hardcover*. Crown; 1st edition. ISBN-10: 1524761168.
- Krys, K., Capaldi, C. A., Zelenski, J. M., Park, J., Nader, M., Kocimska-Zych, A., et al. 2019. "Family well-being is valued more than personal well-being: A four-country study". *Current Psychology*. <https://doi.org/10.1007/s12144-019-00249-2>.
- Krys, Kuba & Capaldi, Colin & Zelenski, John & Park, Joonha & Nader, Martin & Kocimska-Zych, Agata & Kwiatkowska, Anna & Michalski, Piotr & Uchida, Yukiko. 2021. "Family well-being is valued more than personal well-being: A four-country study". *Current Psychology*. 40. 10.1007/s12144-019-00249-2.
- Lam, W. W. T., Fielding, R., McDowell, I., Johnson, J., Chan, S., Leung, G. M., & Lam, A. T. 2012. *Perspectives on family health, happiness and harmony (3H) among Hong Kong Chinese people: A qualitative study*. Health Education Research, 27(5), pp. 767-779.
- Layard, Richard. 2008. *Hạnh phúc*. Nxb. Tri thức.
- Linacre, S. 2007. *Family statistics towards a framework*. Australian Bureau of Statistics. Presentation to the National Family Wellbeing Symposium, Canberra, 20-21 June 2007.
- Lyubomirsky, S, Sheldon K. M, & Schkade D. 2005. *Pursuing happiness: The architecture of sustainable change*. Serious: UC Riverside Previously Published Works.
- Napa, Wilai & Granger, Jumpee & Kejkornkaew, Siranee & Phuagsachart, Pornsiri. 2020. "Family happiness among people in a Southeast Asian city: Grounded theory study". *Nursing & Health Sciences*. 22. 10.1111/nhs.12688.
- Ogu, V. I. 2002. *Urban Residential Satisfaction and the Planning Implications in a Developing World Context: The Example of Benin City, Nigeria*. International Planning Studies, 7:1, 37-53, DOI: 10.1080/13563470220112599.
- Pryor, J. 2007. *Family wellbeing: confusions and challenges*. Roy McKenzie Centre for the Study of Families. New Zealand: Victoria University. Presentation to the National Family Wellbeing Symposium, Canberra. 20-21 June 2007. Online at <http://www.familiesaustralia.org.au/publications/pubs/conferences/nfws2007/nfwspryor.pdf>.
- Quyết định số 1306/QĐ-UBND của UBND TP HCM ngày 15/4/2021 về phê duyệt Đề án "Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc ở thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030".
- Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 8/9/2021 của UBND tỉnh Yên Bái về Ban hành Tiêu chí tạm thời đánh giá "Gia đình hạnh phúc", "Thôn, bản, tổ dân phố hạnh phúc" trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Rettig, K.D. and Leichtentritt, R.D. 1999. *A general theory for perceptual indicators of family life quality*. *Social Indicators Research*, 47, pp. 307-342.
- Shimai, S., Otake, K., Park, N., Peterson, C., & Seligman, M. E. P. 2006. "Convergence of character strengths in American and Japanese young adults". *Journal of Happiness Studies*, 7, pp. 311-322.
- Sing, M., Hill, H., Mendenko, L. 2001. *Work, welfare, and family wellbeing. Research Report. Mathematica Policy Research. New York: Princeton. Sponsored by the Iowa State Department of Human Services, Des Moines*. Online at http://www.eric.ed.gov/ERICDocs/data/ericdocs2sql/content_storage_01/0000019b/80/1a/2f/0b.pdf.
- Stasova, L., & Vilka, L. (2018, November 23-25). *Comparison of satisfaction with happiness in families with children between the CzechLatvian people*. Paper presented at the SHS Web Conference on 6th International Interdisciplinary Scientific Conference Society Health Welfare, 40(03005), Riga, Republic of Latvia.
- Stinnett, Nick và DeFrain, John. 1985. *Secrets of Strong Families*. Berkley (November 1, 1986). ISBN-10: 0425094855. ISBN-13: 978-0425094853.
- Trần Thị Minh Thi (chủ biên). 2021. *Các giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam đương đại*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Trần Tuyết Ánh, Nguyễn Hoài Sơn. 2021. Xây dựng tiêu chí gia đình hạnh phúc trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 2/2021, tr. 56-63.
- Uchida, Yukiko, Oishi, Shigehiro. 2016. *The Happiness of Individuals and the Collective. Japanese Psychological Research*. <https://doi.org/10.1111/jpr.12103>.
- World Values Survey. 2016. *Online data analysis*. Retrieved from <http://www.worldvaluessurvey.com>.
- UN. 2023. *Sustainable Development Report 2023*.